TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HS-ST
Ngày 30 - 10 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Vinh;

Ông Hoàng Năng Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lương Tấn H,** (tên gọi khác: không); Sinh ngày 27 tháng 6 năm 1985, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú trước khi bị bắt: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật giáo. Nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp. Trình độ học vấn: 7/12. Giới tính: Nam. Con ông Lương Ngọc S, sinh năm 1955 (đã chết năm 2014) và bà Hồ Thị H1, sinh năm 1957. Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị H2, sinh năm 1990 (không đăng ký kết hôn) và có 01 con, sinh năm 2011.

Tiền sự: Không;

Tiền án: có 05 tiền án về tội Trộm cắp tài sản.

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2011/HSST ngày 08/6/2011 của TAND huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản;

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2011/HSST ngày 20/12/2011 của TAND huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt 07 năm tù (do bị cáo thực hiện trước ngày 08/6/2011 nên không coi

là tái phạm);

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2012/HSST ngày 21/02/2012 của TAND huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt 08 năm 06 tháng tù (do bị cáo thực hiện trước thời điểm xét xử 02 bản án trên nên không coi là tái phạm);

+ Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 50/2012/HSPT ngày 22/6/2012 của TAND tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt 12 năm tù (do bị cáo thực hiện trước thời điểm xét xử 03 bản án trên nên không coi là tái phạm);

+ Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2013/HSST ngày 05/3/2013 của TAND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt 13 năm tù (do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước khi có các bản án trên nên không coi là tái phạm);

(Ngày 25/01/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù tuy nhiên chưa đủ thời gian xem xét xóa án tích đã tiếp tục phạm tội).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 12/01/2024 cho đến nay (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh T,** (tên gọi khác: không); Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú trước khi bị bắt: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Cao đài. Nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp ổn định. Trình độ học vấn: 9/12. Giới tính: Nam. Con ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1962 và bà Châu Thị N, sinh năm 1972. Bị cáo chưa có vợ và con. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 12/01/2024 cho đến nay (Có mặt).

Những người bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bà H Nương B, sinh năm 1991. Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn F, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

4. Bà H Bi Gel N1, sinh năm 1990. Địa chỉ: Buôn N, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn Q, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

6. Bà Phan Thị Viễn D, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thùy Diệu L, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

8. Ông Đỗ Đăng Đ1, sinh năm 1974. Địa chỉ: Buôn T, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

9. Ông Trần Phước H4, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

10. Bà H Bích K, sinh năm 1986. Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

11. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

12. Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

13. Bà Bùi Thị Kim L3, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

14. Công ty TNHH Đ2. Địa chỉ: Buôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng G – chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ: Buôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Thùy T2, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

2. Ông Ngô Thành D1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Buôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3.Bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Tấn H là người không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài, H cùng với T đã trao đổi và thống nhất trước với nhau là H sẽ trực tiếp đi trộm cắp xe mô tô rồi liên lạc cho T để tìm nơi tiêu thụ hoặc cầm cố và H sẽ đưa cho T một số tiền, thì T đồng ý. Sau đó, H đã trực tiếp thực hiện 14 vụ trộm cắp tài sản tại các huyện C, K và thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong số 14 vụ trộm cắp này thì H đã liên hệ với T để tìm nơi tiêu thụ và cầm cố 05 vụ (05 xe mô tô), cụ thể như sau:

- ***Vụ thứ 1:*** Khoảng hơn 13 giờ ngày 11/01/2024, Lương Tấn H đi xe buýt đến khu vực chợ T5 thuộc xã E, huyện C để trộm cắp xe mô tô. Sau đó, H xuống xe và đi bộ đến trước nhà ông Nguyễn Hoàng N2 (*sinh năm 1988, trú tại thôn D, xã E, huyện C)* thì thấy chiếc xe mô tô biển số 47T1-259.51, nhãn hiệu HONDA, số loại BLADE, màu sơn đỏ, đen thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Hoàng Y *(sinh năm 1991, trú tại thôn D, xã E, huyện C - là vợ ông N2),* trên ổ khoá xe vẫn còn

cắm chìa khóa và không thấy ai trông coi. H liền đi bộ vào trong sân dắt xe ra ngoài đường rồi nổ máy điều khiển đi đến khu vực hồ E thì dừng xe lại rồi tháo biển số đang gắn trên xe ném xuống hồ nhằm tránh sự phát hiện. Sau đó, như đã thống nhất từ trước, H điện thoại cho T và hẹn gặp nhau tại thành phố B để T tìm người mua xe. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi cả hai đang gặp nhau ở chợ đầu mối T, thành phố B để cùng mang xe đi tiêu thụ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tạm giữ cùng tang vật.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 13/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: "*giá trị của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47T1-259.51 tại thời điểm định giá ngày 11/01/2024 là 10.000.000 đồng"*.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã tự nguyện khai báo về việc thực hiện thêm các vụ trộm cắp tài sản khác:

- ***Vụ thứ 2:*** Khoảng 07 giờ ngày 12/02/2023, Lương Tấn H đón xe buýt đến huyện C để trộm cắp xe mô tô. Sau khi xuống xe buýt, H xin đi nhờ xe mô tô của người đi đường *(không xác định được nhân thân, lai lịch)* theo hướng vào chợ V, khi đến khu vực có nhiều người đồng bào dân tộc Ê Đê thì H xuống xe. H đi bộ đến đường đất thuộc thôn I, xã E, huyện C thì thấy có 01 xe mô tô biển số 47B1-665.08, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn đỏ, đen là tài sản hợp pháp của bà H Nương B *(sinh năm 1991, trú tại buôn K, xã E, huyện C)* đang dựng ở cạnh đường giáp rẫy của bà H N3. Lúc này là khoảng 13 giờ cùng ngày, Hải quan sát thấy không có ai trông coi và thấy chìa khóa đang cắm sẵn trên xe nên H lấy dắt ra đường rồi nổ máy điều khiển đến khu vực chợ đầu mối T, thành phố B bán cho một người đàn ông *(không xác định được nhân thân, lai lịch)* được số tiền 3.500.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: *"Giá trị của chiếc xe mô tô biển số 47B1-665.08, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn đỏ đen tại thời điểm 12/02/2023 là 5.833.333 đồng"*.

- ***Vụ thứ 3:*** Khoảng 09 giờ ngày 23/3/2023, Lương Tấn H điều khiển xe mô tô của mình, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xanh trắng *(không xác định được biển kiểm soát)* đi từ huyện K đến huyện C để trộm cắp tài sản. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đến khu vực đường nhựa thuộc thôn F, xã E, huyện C, Hải quan sát thấy trong sân nhà ông Phạm Xuân Đ *(sinh năm 1959, trú tại thôn F, xã E, huyện C)* có 01 bao xác rắn màu xanh bên trong đựng hạt hồ tiêu nặng 67 kg. Quan sát thấy cổng mở và không có người trông coi nên H điều khiển xe mô tô đi vào trong sân rồi lấy 01 bao hồ tiêu bỏ lên xe chở bao về huyện K, bán cho một người thu mua tiêu trên đường *(không xác định được nhân thân, lai lịch)* được số tiền 4.000.000 đồng và H đã sử dụng cá nhân hết.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: *"Giá trị hồ tiêu quả khô có khối lượng 67kg tại thời điểm ngày 23/3/2023 là 4.254.500 đồng"*.

- ***Vụ thứ 4:*** Khoảng 17 giờ ngày 09/5/2023, H đi xe ôm từ chợ đầu mối T đến bến xe liên tỉnh phía Bắc thuộc thành phố B tìm kiếm xe máy để trộm. Khi đi ngang qua nhà của bà H Bi Gel N1 *(sinh năm 1990, trú tại buôn E, xã E, thành phố B)* thì thấy tại khu vực sân để 01 xe mô tô biển số 47H1-456.50, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu sơn đỏ, còn cắm chìa khóa trên ổ khóa xe và không có ai trông coi. H xuống xe rồi trả tiền cho người xe ôm, khi người này đi thì H đi vào dắt xe ra đường nổ máy và điều khiển xe chạy về hướng huyện K. Khi đi được khoảng 4 km, H dừng xe, mở cốp xe kiểm tra thấy bên trong có 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47H1-456.50, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đứng tên H Bi Gel Niê, 01 căn cước công dân đứng tên H Bi Gel Niê, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đứng tên Y Hrah H5 *(chồng bà H Bi Gel)*, 01 thẻ ATM, 01 Căn cước công dân tên H Rit Hwing *(mẹ chồng bà H Bi G1)*. H lấy giấy chứng nhận đăng ký xe và vứt các giấy tờ còn lại.

Đến ngày 19/5/2023, H điều khiển xe mô tô trên đi đến tiệm cầm đồ "Tấn Phát" *(địa chỉ Km19, Quốc lộ B, thôn T, xã E, huyện K)* để cầm cố. Tại đây, H nói dối bà Trần Thị Thùy T2 *(sinh năm 1987, trú tại thôn T, xã E, huyện K)* là xe của H nhưng chưa làm thủ tục sang tên nên bà T2 đồng ý cầm cố xe và giấy tờ xe với số tiền 10.000.000 đồng, H sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 133/KL-HĐĐGTS ngày 21/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: *"Giá trị của 01 xe mô tô biển số 47H1-456.50, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu sơn đỏ tại thời điểm định giá ngày 09/5/2023 là 15.000.000 đồng"*.

- ***Vụ thứ 5:*** Khoảng 07 giờ ngày 17/6/2023, Lương Tấn H đón xe buýt từ khu vực K, Quốc lộ B, thành phố B đến khu vực thuộc thôn Q, thị trấn B, huyện K để trộm cắp xe mô tô. Khoảng 08 giờ cùng ngày, H đi thì phát hiện nhà chị Nguyễn Thị H3 *(sinh năm 1978, trú tại thôn Q, thị trấn B, huyện K)* không khóa cổng, bên trong sân có dựng một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47L1-282.02, nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen, bạc và không có người trông coi. H đi vào trong sân nhà thì thấy chìa khóa xe vẫn cắm trên xe nên H dắt xe ra đường rồi nổ máy điều khiển đi đến huyện Đ, tỉnh Đắk Nông và bán chiếc xe trên cho một người đàn ông *(không xác định được nhân thân, lai lịch)* được số tiền 7.000.000 đồng và H đã tiêu xài cá nhân hết.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 24/KLĐG ngày 29/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: *"Giá trị của 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển số 47L1-282.02, tại thời điểm ngày 17/6/2023 là 10.000.000 đồng."*

- ***Vụ thứ 6:*** Khoảng 08 giờ, ngày 03/8/2023, H đi xe buýt đến thành phố B và sau đó đi bộ ngang qua nhà bà Phan Thị Viễn D *(sinh năm 1991, địa chỉ thôn B, xã H, thành phố B)* thì nhìn trong sân có 01 xe mô tô biển số 47B1 - 413.16, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn đỏ, đen, trên xe đang gắn chìa khóa, không có người trông coi. H đi vào sân dắt xe ra đường rồi nổ máy và điều khiển chạy theo hướng về chợ đầu mối T, thành phố B. Đi được khoảng 5 - 7 km, H dừng xe kiểm tra trong cốp xe có 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 47B1 - 413.16.

Sau đó, H điều khiển xe về nhà tại xã E, huyện K.

Như đã thống nhất từ trước, H liên hệ nói T đi cầm cố xe mô tô trên thì T điều khiển xe đến tiệm cầm đồ Tấn P, gặp bà Trần Thị Thùy T2 cầm cố xe mô tô trên cùng giấy tờ xe được số tiền 4.000.000 đồng với lý do xe của T nhưng chưa sang tên. Sau khi cầm cố xong, T đưa hết tiền cho H và H đưa cho T 200.000 đồng, cả hai sử dụng hết số tiền vào mục đích cá nhân.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 133/KL-HĐĐGTS ngày 21/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: *"Giá trị của 01 xe mô tô biển số 47B1-413.16, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn đỏ đen tại thời điểm định giá ngày 03/8/2023 là 6.000.000 đồng"*.

- ***Vụ thứ 7:*** Vào khoảng 15 giờ ngày 02/10/2023, Lương Tấn H đi xe buýt đến khu vực chợ A, Quốc lộ B, huyện C rồi đi bộ vào khu vực chợ A, thì nhìn thấy có 01 xe mô tô biển số 47N1-206.29, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn đen, bạc, dựng ở thềm nhà bên cạnh tiệm L4 thuộc thôn I, xã E, huyện C. Xe mô tô này thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đ2 *(địa chỉ buôn B, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk),* tại thời điểm bị chiếm đoạt thuộc quản lý của bà Hoàng Thị T3 *(sinh năm 1984, trú tại thôn H, xã E, huyện C)*. Hải quan sát thấy trên xe còn gắn chìa khóa và không thấy người trông coi nên đã lấy trộm. Sau đó, H kiểm tra trong cốp thì thấy có giấy chứng nhận đăng ký xe nên đến ngày 04/10/2023, H đi đến tiệm cầm đồ Tấn P tại K, Quốc lộ B, thôn T, xã E, huyện K để cầm cố xe. Tại đây, H gặp bà Trần Thị Thùy T2 và nói dối là xe của gia đình nên bà T2 đồng ý cầm 5.000.000 đồng. Sau đó, H tiêu xài hết số tiền vào mục đích cá nhân.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: *"Giá trị của xe mô tô mang biển kiểm soát 47N1-206.29, nhãn hiệu Honda, số loại Wave α, màu sơn đen bạc tại thời điểm ngày 02/10/2023 là 13.666.667 đồng"*.

- ***Vụ thứ 8:*** Vào khoảng 10 giờ ngày 12/10/2023, Lương Tấn H xuống xe buýt tại khu vực chợ T5 rồi đi bộ một mình đến khu vực thôn A, xã E, huyện C. Khi đến trước nhà bà Nguyễn Hoàng Ái D2 *(sinh năm 1979, trú tại thôn A, xã E, huyện C)* thì thấy trong sân đang dựng 01 xe mô tô số 47T1-001.82, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS, màu sơn đỏ đen, thuộc sở hữu của con gái bà D2 là Nguyễn Thùy Diệu L *(sinh năm 2001, trú tại thôn A, xã E, huyện C)* và không có người trông coi. H đi vào thấy trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên dắt xe ra đường rồi nổ máy điều khiển đến khu vực chợ đầu mối thuộc thành phố B. Khi đến nơi, H sử dụng điện thoại di động màn hình đen trắng, không nhớ nhãn hiệu, gắn sim rác *(không xác định được số thuê bao, hiện nay đã vứt bỏ)* gọi điện liên lạc cho một người đàn ông *(không xác định được nhân thân, lai lịch)* mà trước đó H có lưu số điện thoại do đã gặp một lần và biết người này mua xe cũ và bán được số tiền 3.000.000 đồng. H tiêu xài hết số tiền này vào mục đích cá nhân.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: *"Giá trị của xe mô tô mang biển kiểm soát 47T1-001.82, nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS,*

màu sơn đen đỏ tại thời điểm ngày 12/10/2023 là 5.000.000 đồng".

- ***Vụ thứ 9:*** Vào khoảng 15 giờ ngày 16/10/2023, Lương Tấn H xuống xe buýt tại khu vực ngã ba Đ thuộc xã D, huyện K rồi đi bộ xung quanh khu vực này thì phát hiện chiếc xe mô tô biển số 47L1-336.36, nhãn hiệu Honda, số loại VISION, màu sơn đỏ đen bạc, thuộc sở hữu của bà Bùi Thị Kim L3 *(sinh năm 1972, trú tại thôn Đ, xã D, huyện K)* đang dựng trong sân nhà ông Tòng Ngọc S1 *(sinh năm 1965, trú cùng thôn)* Do cổng không khóa, thấy không có người trông coi xe mô tô nên H đi vào trong sân nhà thì thấy trên xe có gắn chìa khóa nên dắt xe ra đường rồi nổ máy điều khiển đến khu vực lô cao su H thuộc thành phố B cất giấu. H mở cốp xe thì thấy có 3.000.000 đồng nên đã lấy số tiền này tiêu xài cá nhân. Vì đã thống nhất từ trước, đến khoảng 10 giờ ngày 18/10/2023, H điều khiển xe mô tô 47L1-336.36 đưa cho Nguyễn Thanh T đi cầm cố chiếc xe mô tô trên cho bà Trần Thị Thùy T2 tại tiệm cầm đồ "Tấn Phát" thuộc thôn T, xã E, xã K được số tiền 7.000.000 đồng. Sau đó, H đưa cho T số tiền 200.000 đồng, cả hai sử dụng hết số tiền vào mục đích cá nhân.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KLĐG ngày 19/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: *"Giá trị của 01 chiếc xe máy VISION nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, biển kiểm soát 47L1-336.36 tại thời điểm ngày 16/10/2023 là 23.800.000 đồng".*

- ***Vụ thứ 10:*** Khoảng 10 giờ ngày 22/10/2023, Lương Tấn H đi xe buýt đến khu vực chợ B2 thuộc thị trấn B, huyện K rồi đi bộ xung quanh khu vực này tìm kiếm thì phát hiện nhà ông Đỗ Đăng Đ1 *(sinh năm 1974, trú tại buôn T, thị trấn B, huyện K)* không khóa cổng, bên trong sân nhà có dựng một chiếc xe mô tô biển số 47L1-324.79, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đỏ đen bạc thuộc sở hữu của ông Đ1 và không có người trông coi nên H đi vào trong sân thì thấy chìa khóa xe vẫn gắn trên xe nên đã dắt xe ra đường rồi nổ máy điều khiển đi đến khu vực lô cao su H thuộc thành phố B và bán cho một nam thanh niên *(không xác định được nhân thân, lai lịch)* được số tiền 7.000.000 đồng, số tiền này H đã tiêu xài cá nhân hết.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KLĐG ngày 19/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận:*"Giá trị của 01 chiếc xe máy WAVE nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen bạc, biển kiểm soát 47L1-324.79 tại thời điểm ngày 22/10/2023 là 12.350.000 đồng".*

- ***Vụ thứ 11:*** Khoảng hơn 08 giờ ngày 23/10/2023, Lương Tấn H xuống xe buýt tại khu vực chợ K2 thuộc thôn K, xã H, huyện C và đi vào trong chợ, thì nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 47T1-258.49, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đen bạc, thuộc sở hữu của ông Trần Phước H4 *(sinh năm 1967, trú tại thôn K, xã H, huyện C)* đang dựng ở bên đường, có sẵn chìa khóa gắn trên ổ khóa xe và không có ai trông coi nên H đã lấy trộm rồi điều khiển xe đến chợ Đ3, thành phố B và sử dụng điện thoại di động màn hình đen trắng, không nhớ nhãn hiệu, gắn sim rác *(không xác định được số thuê bao, hiện nay đã vứt bỏ)* liên hệ với người đàn ông *(không xác định được nhân thân, lai lịch)*, bán được số tiền 4.000.000 đồng. H đã sử dụng hết số tiền vào mục đích cá nhân.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: *"Giá trị của xe mô tô mang biển kiểm soát 47T1-258.49, nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn đen bạc tại thời điểm ngày 23/10/2023 là 8.833.333 đồng"*.

- ***Vụ thứ 12:*** Khoảng 15 giờ ngày 18/11/2023, bị cáo Lương Tấn H xuống xe buýt tại khu vực chợ A, huyện C, đi bộ một mình đến buôn C, xã E, huyện C thì nhìn thấy trong sân nhà bà H Bích K *(sinh năm 1986, trú tại: buôn C, xã E, huyện C)* có dựng 01 xe mô tô biển số 47T1-088.03, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn xanh đen, thuộc sở hữu của bà H B1. Thấy không có người trông coi và trên xe còn gắn chìa khóa nên H đã lấy trộm rồi điều khiển đi về chợ Đ3, thành phố B gặp Nguyễn Thanh T tìm nơi tiêu thụ. T sử dụng điện thoại di động màn hình đen trắng, không nhớ nhãn hiệu, gắn sim rác *(không xác định được số thuê bao, hiện nay đã vứt bỏ)*, liên hệ với người đàn ông *(không xác định được nhân thân, lai lịch)* để hẹn cho H gặp. Sau đó, H trực tiếp gặp và bán xe cho người này được số tiền 2.500.000 đồng, một mình H sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: *"Giá trị của xe mô tô mang biển kiểm soát 47T1-088.03, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn xanh đen tại thời điểm ngày 18/11/2023 là 9.666.667 đồng"*.

- ***Vụ thứ 13:*** Khoảng 10 giờ ngày 06/12/2023, bị cáo Lương Tấn H xuống xe buýt tại khu vực chợ H8 thuộc xã E, huyện K rồi đi bộ đến trước nhà anh Nguyễn Văn L1 *(sinh năm 1975, trú tại thôn H, xã E, huyện K)* thì thấy không khóa cổng, bên trong sân có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển kiểm soát 47L1-202.98 đang cắm sẵn chìa khóa trên xe và không có người trông coi nên H đi vào lấy trộm rồi điều khiển đến khu vực lô cao su H thuộc thành phố B để cất giấu. Đến sáng ngày 07/12/2023, H đến lô cao su để lấy xe mô tô mang đi bán thì phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 47L1-202.98 không còn ở đây.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KLĐG ngày 19/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận:*"Giá trị của 01 chiếc xe máy VISION nhãn hiệu Honda, màu đỏ, biển kiểm soát 47L1-202.98 tại thời điểm ngày 06/12/2023 là 9.900.000 đồng"*.

- ***Vụ thứ 14:*** Khoảng 07 giờ ngày 02/01/2024, bị cáo Lương Tấn H đi xe ôm đi từ huyện K đến huyện C. Khi đến khu vực đường H, thuộc xã E, huyện C. Sau đó, H trả tiền xe rồi đi bộ đến thôn F, xã E, huyện C. Khoảng 09 giờ cùng ngày, H nhìn thấy 01 xe mô tô biển số 47F2-6053, nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu sơn nho, có số máy: 0194806, có số khung 0194806 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn L2 *(sinh năm 1958, trú tại: Thôn A, xã E, huyện C)* đang dựng tại đường và không có ai trông coi nên H đã lấy trộm và điều khiển về thành phố B gặp bị cáo T để đưa đi tiêu thụ như đã thống nhất trước đó. T sử dụng điện thoại di động màn hình đen trắng, không nhớ nhãn hiệu, gắn sim rác *(không xác định được số thuê bao, hiện nay đã vứt bỏ)*, liên hệ với người đàn ông *(không xác định được nhân thân, lai lịch)*, bán được số tiền hơn 2.000.000 đồng và H đưa cho T số tiền 400.000 đồng, cả hai sử dụng hết số tiền vào mục đích tiêu xài cá nhân.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: *"Giá trị của xe mô tô mang biển kiểm soát 47F2-6053, nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu sơn nho tại thời điểm ngày 02/01/2024 là 3.000.000 đồng"*.

* *Về vật chứng vụ án:* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động có ốp nhựa màu trắng, nhãn hiệu SAM SUNG Galaxy A03s, loại cảm ứng, màu xanh, số máy SM-A037F/DS, số Sê ri R9PR807P63W, số IMEI 1: 353515131509010, số IMEI 2: 356346461509017 thuộc sở hữu của bị cáo Lương Tấn H;

- 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu "Redmi", loại Note 9 P, mẫu M2003J6B2G, thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Thanh T;

- 01 xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA, số loại: BLADE, màu sơn đỏ đen, số máy JA36E0569365, số khung 3651GY102117;

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 47H1-456.50, nhãn hiệu Honda, số loại Vision, màu sơn đỏ, số máy JF66E0281581, số khung 5814GY281616 kèm theo bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe;

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 47B1-413.16, nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius, màu sơn đỏ đen, số máy 5C64855467, số khung RLCS5C640CY855462 kèm theo bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe;

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 47N1-206.29, nhãn hiệu Honda, số loại Wave α, màu sơn đen bạc, số máy JA39E-2609293, số khung RLHJA3923NY112355 kèm theo bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe;

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 47L1-336.36, nhãn hiệu Honda, số loại VISION, màu sơn đỏ đen bạc, số máy JK03E0009651, số khung RLHJK0302MY003550 kèm theo bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe;

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 47E1-254.67, nhãn hiệu Yamaha, loại SIRIUS, màu xanh bạc kèm theo 01 Giấy tờ mua bán xe;

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47E1-254.67, nhãn hiệu Yamaha, loại SIRIUS, màu xanh bạc kèm. Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thanh T khẳng định đây là xe của T mua từ một người đàn ông tên Tự *(không xác định được nhân thân, lai lịch)* về để sử dụng và có Giấy mua bán xe vào ngày 13/9/2022 chứ không phải do T trộm cắp mà có; đồng thời quá trình điều tra xác định T không dùng chiếc xe này vào việc phạm tội. Tuy nhiên, qua kết quả tra cứu xe mô tô này thể hiện xe đứng tên ông Hoàng Minh H6 *(sinh năm 1972, trú tại tổ dân phố D, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk)* và qua làm việc, ông H6 khai là bị mất trộm vào năm 2019 tại huyện K. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã bàn giao xe mô tô biển kiểm soát 47E1-254.67 kèm 01 giấy tờ mua bán xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để xác minh, làm rõ xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47B1-665.08 là tài sản thuộc sở hữu của bà H Nương B; xe mô tô biển kiểm soát 47L1-282.02 là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị H3; xe mô tô biển kiểm soát 47T1-001.82 là tài sản thuộc sở hữu của

chị Nguyễn Thùy Diệu L; xe mô tô biển kiểm soát 47T1-088.03 là tài sản thuộc sở hữu của bà bà H Bích K1; xe mô tô biển kiểm soát 47L1-324.79 là tài sản thuộc sở hữu của ông Đỗ Đăng Đ1; xe mô tô biển kiểm soát 47T1-258.49 là tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Phước H4; xe mô tô biển kiểm soát 47L1-202.98 là tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn L1; xe mô tô biển kiểm soát 47F2-6053 là tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn L2. Quá trình điều tra, ngày 03/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk đã ra thông báo truy tìm vật chứng, nhưng không thu giữ được.

- Đối với 01 biển kiểm soát 47T1-259.51 bị cáo H đã ném xuống khu vực hồ E, huyện K, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

- Đối với 01 bao hồ tiêu quả khô có khối lượng 67 kg là tài sản thuộc sở hữu của ông Phạm Xuân Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk không thu giữ được.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xanh trắng mà bị cáo Lương Tấn H sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản của ông Phạm Xuân Đ vào ngày 23/3/2023, hiện nay bị cáo đã bán xe này cho một người đàn ông (không xác định được nhân thân, lai lịch); đối với 01 điện thoại di động đen trắng có gắm sim điện thoại mà bị cáo H sử dụng làm phương tiện liên lạc với bị cáo T trong việc tiêu thụ hiện nay H đã vứt bỏ do hư hỏng; đối với 01 điện thoại di động đen trắng có gắm sim điện thoại mà bị cáo Nguyễn Thanh T sử dụng làm công cụ liên lạc để tiêu thụ tài sản mà H trộm cắp được hiện nay bị cáo T đã làm mất; do không xác định được thông tin, biển kiểm soát, số thuê bao và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

** Về trách nhiệm dân sự:*

- Các bị hại bà Nguyễn Thị Hoàng Y, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2, bà Bùi Thị Kim L3, bà H Bi Gel N1 và bà Phan Thị Viễn D đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu các bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T bồi thường. Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đứng tên H Bi Gel Niê, 01 căn cước công dân đứng tên H Bi Gel Niê, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đứng tên Y Hrah H5 *(chồng bà H Bi Gel)*, 01 thẻ ATM, 01 Căn cước công dân tên H Rit Hwing *(mẹ chồng bà H Bi Gel);* hiện nay các ông, bà này đã làm lại và không yêu cầu bị cáo H bồi thường.

- Bị hại bà H Nương Btô yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 5.833.333 đồng;

- Bị hại bà Nguyễn Thị H3 yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 10.000.000 đồng;

- Bị hại chị Nguyễn Thùy Diệu L yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 5.000.000 đồng;

- Bị hại bà Bùi Thị Kim L3 yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 3.000.000 đồng;

- Bị hại ông Đỗ Đăng Đ1 yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 19.500.000 đồng. Tại phiên tòa ông Đ1 yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 12.350.000 đồng.

- Bị hại ông Trần Phước H4 yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 8.833.333

đồng;

- Bị hại ông Nguyễn Văn L1 yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 9.900.000 đồng;

- Bị hại ông Nguyễn Văn L2 yêu cầu bị cáo H và bị cáo T bồi thường số tiền 3.000.000 đồng;

- Bị hại bà H Bích Ktlă yêu cầu bị cáo H và bị cáo T bồi thường số tiền 9.666.667 đồng;

- Bị hại ông Phạm Xuân Đ yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 4.254.500 đồng.

Hiện nay, các bị cáo chưa bồi thường cho các bị hại số tiền nào.

- Đối với số tiền 26.000.000 đồng mà các bị cáo có được từ cầm cố tài sản cho bà Trần Thị Thùy T2, H và T đã trả cho bà T2 tổng cộng 3.080.000 đồng tiền gốc và 880.000 đồng tiền lãi. Còn lại 22.920.000 đồng tiền gốc, bà T2 yêu cầu bị cáo H trả số tiền 12.200.000 đồng và yêu cầu bị cáo T trả số tiền 10.720.000 đồng, hiện các bị cáo chưa trả cho bà Trần Thị Thùy T2.

Cáo trạng số: 27/CT-VKS-HS ngày 04/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Lương Tấn H về tội: *"Trộm cắp tài sản",* quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo và Nguyễn Thanh T về tội: *"Trộm cắp tài sản",* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa giữ nguyên tội danh như bản cáo trạng đã truy tố bị cáo. Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g,h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Tấn H mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của hai bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 12/01/2024).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự.

+ Buộc bị cáo Lương Tấn H phải bồi thường cho các bị hại gồm: bà H Nương Btô số tiền 5.833.333 đồng; bà Nguyễn Thị H3 số tiền 10.000.000 đồng; bà Nguyễn Thùy Diệu L số tiền 5.000.000 đồng; bà Bùi Thị Kim L3 số tiền 3.000.000 đồng; ông Đỗ Đăng Đ1 số tiền 12.350.000 đồng; ông Trần Phước H4 số tiền 8.833.333 đồng; ông Nguyễn Văn L1 số tiền 9.900.000 đồng; ông Phạm Xuân Đ bồi thường số tiền 4.254.500 đồng; bà H Bích Ktlă số tiền 9.666.667 đồng.

+ Buộc bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn L2 số tiền 3.000.000 đồng, trong đó bị cáo H phải bồi thường 2.400.000.đồng và bị cáo T bồi thường 600.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Lương Tấn H và bị cáo Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Trần Thị Thùy T2 số tiền 22.920.000 đồng, trong đó bị cáo H là 22.520.000 đồng và bị cáo T là 400.000 đồng.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Công nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C giao trả xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y; xe mô tô biển kiểm soát 47N1-206.29, nhãn hiệu Honda và giấy chứng nhận đăng ký xe cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2; xe mô tô biển kiểm soát 47L1-336.36, nhãn hiệu Honda và giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Bùi Thị Kim L3; xe mô tô biển kiểm soát 47H1-456.50, nhãn hiệu Honda và giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà H Bi Gel N1; xe mô tô biển kiểm soát 47N1-206.29, nhãn hiệu Honda và giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Phan Thị Viễn D.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động có ốp nhựa màu trắng, nhãn hiệu SAM SUNG Galaxy A03s, loại cảm ứng, màu xanh, số máy SM-A037F/DS, số Sê ri R9PR807P63W, số IMEI 1: 353515131509010, số IMEI 2: 356346461509017 thuộc sở hữu của bị cáo Lương Tấn H; 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu "Redmi", loại Note 9 P, mẫu M2003J6B2G, thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Thanh T.

Tại phiên tòa các bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã mô tả và đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin là đúng người, đúng tội, không oan sai. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người bị hại là ông Đỗ Đăng Đ1 yêu cầu bị cáo H bồi thường dân sự cho ông với số tiền 12.350.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử tăng nặng hình phạt tù đối với bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, Kiểm sát viên trong qúa trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và trong thời gian Tòa án chuẩn bị xét xử các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm và loại tài sản mà bị cáo đã trộm cắp được, phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/01/2024, tại địa bàn các huyện C, K và thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn các huyện C, K và thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong đó, bị cáo Lương Tấn H là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp 14 vụ, tài sản trộm cắp gồm 13 xe mô tô các loại và 01 bao hạt hồ tiêu khô với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 140.304.500 đồng và lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính. Còn bị cáo Nguyễn Thanh T không trực tiếp trộm cắp tài sản, nhưng trước khi H đi trộm cắp thì giữa H và T đã trao đổi thống nhất là H trộm cắp được xe mô tô thì liên hệ cho T biết để T tìm nơi tiêu thụ hoặc cầm cố và trong khoảng thời gian từ ngày 03/8/2023 đến ngày 11/01/2024, Nguyễn Thanh T đã cùng H tiêu thụ và cầm cố 05 xe mô tô do H trộm cắp trong 05 vụ có tổng trị giá tài là 52.466.667 đồng và được bị cáo Lương Tấn H chia cho 800.000 đồng tiêu sài cá nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận bị cáo Lương Tấn H phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm b,c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội: *"Trộm cắp tài sản",* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một trong những quyền cơ bản được pháp luật hình sự Nhà nước ta bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng để nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị xử phạt nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân lương thiện, đồng thời cũng để phòng ngừa tội phạm đối những người khác.

[4] Các bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm. Trong đó, bị cáo Lương Tấn H là người giữ vai trò chủ đạo, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của những người bị hại, còn bị cáo T tuy không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nhưng trước khi H đi trộm cắp thì T đã trao đổi thống nhất là H trộm cắp được xe mô tô thì liên hệ cho T biết để T tìm nơi tiêu thụ hoặc cầm cố tài sản mà H trộm cắp được nên giữ vai trò là người giúp sức. Ngoài ra, xét về nhân thân thì bi cáo T có nhân thân tốt hơn bị cáo H. Do đó, khi quyết định hình phạt thì cần xử phạt bị cáo H mức án cao hơn so với bị cáo T là phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lương Tấn H đã thực hiện 14 vụ trộm cắp tài sản, bị cáo Nguyễn Thanh T đồng phạm với bị cáo H trong 05 vụ trộm cắp tài sản mà mỗi vụ đều đủ yếu tố để cấu thành tội phạm nên các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội từ 02 lần trở lên"* được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lương Tấn H đã có 05 tiền án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Tái phạm"* được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện khai báo các vụ trộm cắp tài sản mà mình thực hiện nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại bà Nguyễn Thị Hoàng Y, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2, bà Bùi Thị Kim L3, bà H Bi Gel N1 và bà Phan Thị Viễn D đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu các bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T bồi thường nên không xem xét giải quyết. Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đứng tên H Bi Gel Niê, 01 căn cước công dân đứng tên H Bi Gel Niê, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đứng tên Y Hrah H5 *(chồng bà H Bi Gel)*, 01 thẻ ATM, 01 Căn cước công dân tên H Rit Hwing *(mẹ chồng bà H Bi Gel);* hiện nay các ông, bà này đã làm lại và không yêu cầu bị cáo H bồi thường nên không xem xét giải quyết. Đối với tài sản của những bị hại khác do các bị cáo chiếm đoạt nhưng đều không thu giữ được nên cần buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại theo giá trị của Hội đồng định giá tài sản như sau:

[7.1] Buộc bị cáo Lương Tấn H phải bồi thường cho các bị hại gồm: bà H Nương Btô số tiền 5.833.333 đồng; bà Nguyễn Thị H3 số tiền 10.000.000 đồng; bà Nguyễn Thùy Diệu L số tiền 5.000.000 đồng; bà Bùi Thị Kim L3 số tiền 3.000.000 đồng; ông Đỗ Đăng Đ1 số tiền 12.350.000 đồng; ông Trần Phước H4 số tiền 8.833.333 đồng; ông Nguyễn Văn L1 số tiền 9.900.000 đồng; ông Phạm Xuân Đ bồi thường số tiền 4.254.500 đồng; bà H Bích Ktlă số tiền 9.666.667 đồng.

[7.2] Buộc bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn L2 số tiền 3.000.000 đồng, trong đó bị cáo H phải bồi thường 2.400.000.đồng và bị cáo T bồi thường 600.000 đồng.

[7.3] Đối với số tiền 26.000.000 đồng mà các bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn

Thanh T có được từ cầm cố tài sản cho bà Trần Thị Thùy T2 thì các bị cáo đã trả cho bà T2 tổng cộng 3.080.000 đồng tiền gốc và 880.000 đồng tiền lãi (tại phiên tòa bị cáo T và bị cảo H xác định các số tiền này là tiền của bị cáo H), còn lại 22.920.000 đồng tiền gốc, trong tổng số tiền này thì bị cáo T chỉ được bị cáo H chia trong 02 lần cầm cố xe cho bà T2 với số tiền là 400.000 đồng. Vì vậy, cần buộc bị cáo T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T2 400.000 đồng, phần còn lại buộc bị cáo H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T2 22.520.000 đồng là phù hợp.

[8] Về vật chứng vụ án:

[8.1] Đối với 01 điện thoại di động có ốp nhựa màu trắng, nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A03s thuộc sở hữu của bị cáo Lương Tấn H; 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu "Redmi" thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Thanh T đã sử dụng vào việc liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[8.2] Đối với xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA là tài sản thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Hoàng Y; xe mô tô biển kiểm soát 47N1-206.29, nhãn hiệu Honda và giấy chứng nhận đăng ký xe là tài sản thuộc sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2; xe mô tô biển kiểm soát 47L1-336.36, nhãn hiệu Honda và giấy chứng nhận đăng ký xe là tài sản thuộc sở hữu của bà Bùi Thị Kim L3. Ngày 08/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô và các giấy chứng nhận đăng ký xe cho các chủ sở hữu và người được giao quản lý hợp pháp là đúng quy định pháp luật nên cần công nhận.

[8.3] Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47H1-456.50, nhãn hiệu Honda và giấy chứng nhận đăng ký xe là tài sản thuộc sở hữu của bà H Bi Gel N1; xe mô tô biển kiểm soát 47N1-206.29, nhãn hiệu Honda và giấy chứng nhận đăng ký xe là tài sản thuộc sở hữu của bà Phan Thị Viễn D. Ngày 05/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô và các giấy chứng nhận đăng ký xe cho các chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật cần công nhận.

[8.4] Đối với xe mô tô biển kiểm soát 47E1-254.67, nhãn hiệu Yamaha, loại SIRIUS, màu xanh bạc kèm. Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thanh T khẳng định đây là xe của T mua từ một người đàn ông tên Tự *(không xác định được nhân thân, lai lịch)* về để sử dụng và có Giấy mua bán xe vào ngày 13/9/2022 chứ không phải do T trộm cắp mà có; đồng thời quá trình điều tra xác định T không dùng chiếc xe này vào việc phạm tội. Tuy nhiên, qua kết quả tra cứu xe mô tô này thể hiện xe đứng tên ông Hoàng Minh H6 *(sinh năm 1972, trú tại tổ dân phố D, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk)* và qua làm việc, ông H6 khai là bị mất trộm vào năm 2019 tại huyện K. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã bàn giao xe mô tô biển kiểm soát 47E1-254.67 kèm 01 giấy tờ mua bán xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K để xác minh, làm rõ xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[9] Đối với các đối tượng tiêu thụ tài sản cho bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T, thì quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện C tách ra để xử lý khi có căn cứ là phù hợp. Đối với việc bà Trần Thị T4 là chủ đăng ký kinh doanh tiệm cầm đồ Tấn P và là người trực tiếp nhận cầm cố 04 xe mô tô từ bị cáo H và bị cáo T. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định được khi các bị cáo đến cầm cố thì bà T2 đều hỏi nguồn gốc của xe thì các bị cáo đều nói dối là xe của mình chưa sang tên đổi chủ hoặc của gia đình; đồng thời các bị cáo không nói cho bà T2 biết đó là tài sản do trộm cắp mà có và bà T2 cũng không biết đó là tài sản trộm cắp nên mới cầm cố cho các bị cáo. Do vậy, hành vi của bà T2 không cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hành vi của bà T2 cầm cố xe cho các bị cáo không phải là người đứng tên chủ sở hữu trong Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là vi phạm hành chính. Vì vậy, ngày 05/9/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã có Công văn đề nghị Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk lập hồ sơ xử phạt hành chính về hành vi hành vi "Nhận cầm cố tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người đó cho người mang tài sản đi cầm cố", theo quy định tại điểm l khoản 3 Điều 12 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ là có căn cứ.

[10] Về án phí: Các bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lương Tấn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với sồ tiền phải có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại và hoàn trả cho bà T2 là 93.757.833 đồng x 5% = 4.688.000 đồng (đã làm tròn). Bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 1.000.000 đồng có nghĩa vụ bồi thường cho ông L2 và hoàn trả cho bà T2 là 300.000 đồng theo quy định tại khoản Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm b,c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g,h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Tấn H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo H và T tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 12/01/2024).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự:

+ Buộc bị cáo Lương Tấn H có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại gồm: bà H

Nương Btô số tiền 5.833.333 đồng *(Năm triệu, tám trăm ba mươi bà nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);* bà Nguyễn Thị H3 số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng);* bà Nguyễn Thùy Diệu L số tiền 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng);* bà Bùi Thị Kim L3 số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng);* ông Đỗ Đăng Đ1 số tiền 12.350.000 đồng *(Mười hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng);* ông Trần Phước H4 số tiền 8.833.333 đồng *(Tám triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng);* ông Nguyễn Văn L1 số tiền 9.900.000 đồng *(Chín triệu, chín trăm nghìn đồng);* ông Phạm Xuân Đ bồi thường số tiền 4.254.500 đồng *(Bốn triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm đồng);* bà H Bích Ktlă số tiền 9.666.667 đồng *(Chín triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).*

+ Buộc bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn L2 số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng),* trong đó bị cáo H phải bồi thường 2.400.000.đồng *(Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng)* và bị cáo T phải bồi thường 600.000 đồng *(sáu trăm nghìn đồng).*

+ Buộc bị cáo Lương Tấn H và Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị Thùy T2 22.920.000 đồng *(Hai mươi hai triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng),* trong đó bị cáo H phải hoàn trả 22.520.000 đồng *(Hai mươi hai triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng)* và bị cáo T phải hoàn trả 400.000 đồng *(Bốn trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Công nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C giao trả xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu HONDA cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y; giao trả xe mô tô biển kiểm soát 47N1-206.29, nhãn hiệu Honda và giấy chứng nhận đăng ký xe cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ2; giao trả xe mô tô biển kiểm soát 47L1-336.36, nhãn hiệu Honda và giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Bùi Thị Kim L3; giao trả xe mô tô biển kiểm soát 47H1-456.50, nhãn hiệu Honda và giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà H Bi Gel N1; giao trả xe mô tô biển kiểm soát 47N1-206.29, nhãn hiệu Honda và giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Phan Thị Viễn D là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động có ốp nhựa màu trắng, nhãn hiệu SAM SUNG Galaxy A03s, loại cảm ứng, màu xanh, số máy SM-A037F/DS, số Sê ri R9PR807P63W, số IMEI 1: 353515131509010, số IMEI 2: 356346461509017 thuộc sở hữu của bị cáo Lương Tấn H; 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu "Redmi", loại Note 9 P, mẫu M2003J6B2G, thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Thanh T.

(Đặc điểm của vật chứng theo như biên bảm giao nhận vật chứng ngày 14/10/2024 giữ Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin) .

5. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Lương Tấn H phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 4.688.000 đồng *(Bốn triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

- Đối với các bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần quyết định của bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- CQCSĐT Công an huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- UBND xã E, huyện K;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

LÊ QUỐC ĐỊNH